PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm	**DEVCON® Ultra Quartz™ Surface Primer Hardener**
Các hình thức nhận dạng khác	
SKU#	8675 (Chất làm cứng.)
Công dụng đề nghị	Không có dữ liệu.
Các giới hạn đề nghị	Chưa được biết.

Thông tin về Nhà Sản Xuất/Nhập Khẩu/Cung Cấp/Phân Phối

Tên công ty	ITW Performance Polymers
Địa chỉ	Bay 150 Shannon Industrial Estate Co. Clare Ailen V14 DF82
Người Liên Hệ	Customer Service
Số Điện Thoại	353(61)771500 353(61)471285
Email	customerservice.shannon@itwpp.com
Số điện thoại khẩn cấp	44(0) 1235 239 670 (24 giờ)

2. Nhận diện các hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý	Không được phân loại.	
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Độc tính cấp, qua miệng	Loại 4
	Độc tính cấp, qua da	Loại 4
	Ăn mòn/kích ứng da	Loại 1
	Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Loại 1
	Gây mẫn cảm, da	Loại 1
	Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Loại 2
	Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại	Loại 2
Các hiểm họa cho môi trường	Nguy hiểm cho môi trường nước, hiểm họa cấp	Loại 3
	Nguy hiểm cho môi trường nước, hiểm họa lâu dài	Loại 3

Các thành phần của nhãn

Từ cảnh báo	Nguy hiểm
Công bố hiểm họa	Chất lỏng dễ cháy. Có hại nếu nuốt phải. Có hại khi tiếp xúc với da. Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt Có thể gây phản ứng dị ứng da. Gây tổn thương mắt nghiêm trọng. Nghi ngờ gây ra các khuyết tật di truyền. Có thể gây tổn thương cho các cơ quan thông qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại. Có hại cho đời sống thủy sinh. Có hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
Thông điệp đề phòng	
Phòng Ngừa	Lấy hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không được thao tác nếu chưa đọc và hiểu tất cả mọi biện pháp phòng ngừa an toàn. Để xa nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần, và các nguồn gây cháy khác. Không hút thuốc. Không hít sương/hơi. Rửa kỹ sau khi thao tác. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này. Không được phép mang quần áo lao động bị nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc. Tránh phát thải ra môi trường. Sử dụng găng tay bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/mặt.

Ứng phó	Súc miệng. NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. KHÔNG gây nôn. KHI BỊ DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo đã bị nhiễm. Rửa da bằng nước. KHI HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ cho họ được dễ thở. NẾU BỊ VĂNG VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong nhiều phút. Lấy kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho một TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT/bác sĩ. Nếu bị kích ứng da hoặc nổi mụn: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc. Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm và đem giặt trước khi dùng lại. Trong trường hợp cháy: Sử dụng chất chữa cháy phù hợp để dập lửa.
Bảo Quản	Bảo quản ở nơi thông gió tốt. Lưu trữ trong khu vực khóa.
Thải bỏ	Thải bỏ vật liệu bên trong/thùng chứa theo quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	Chưa được biết.
Thông tin thêm	Không có.

3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

Các hỗn hợp

Thành phần nguy hại

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS / Số EC	%
TRIMETHYLHEXAMETHYLENEDIAMINE		25620-58-0 247-134-8	15-40
PHENOL		108-95-2 203-632-7	10-30

Các thành phần không nguy hiểm

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS / Số EC	%
Aliphatic Amine		Không áp dụng -	30-60

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít phải	Đưa ra nơi không khí trong lành. Gọi cho bác sĩ nếu các triệu chứng xuất hiện hoặc kéo dài.
Tiếp xúc với da	Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn ngay lập tức và rửa sạch da bằng xà phòng và nước. Gọi cho bác sĩ hoặc trung tâm kiểm soát chất độc ngay lập tức. Bỏng do hóa chất phải được điều trị bởi bác sĩ. Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.
Tiếp xúc với mắt	Xả sạch mắt ngay lập tức với nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Tháo kính sát tròng, nếu có và nếu dễ tháo. Tiếp tục súc rửa. Gọi cho bác sĩ hoặc trung tâm kiểm soát chất độc ngay lập tức.
Ăn phải	Gọi cho bác sĩ hoặc trung tâm kiểm soát chất độc ngay lập tức. Súc miệng. Không gây nôn. Nếu bị nôn, giữ đầu thấp để chất nôn từ dạ dày không đi vào phổi.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện	Đau rát và tổn thương ăn mòn da nghiêm trọng. Gây tổn thương mắt nghiêm trọng. Các triệu chứng có thể bao gồm châm chích, chảy nước mắt, đỏ, sưng và mờ mắt. Có thể dẫn đến bị tổn thương mắt vĩnh viễn kể cả mù. Phơi nhiễm kéo dài có thể gây các ảnh hưởng mãn tính.
Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt	Cung cấp các biện pháp hỗ trợ tổng quát và điều trị theo triệu chứng. Bỏng do hóa chất: Xả bằng nước ngay lập tức. Trong khi xả, cởi bỏ quần áo không dính vào vùng bị ảnh hưởng. Gọi xe cấp cứu. Tiếp tục xả nước trong quá trình di chuyển đến bệnh viện. Giữ ấm cho nạn nhân. Theo dõi nạn nhân. Các triệu chứng có thể xuất hiện muộn.
Thông tin tổng quát	NẾU phơi nhiễm hoặc lo ngại: Tìm tư vấn/chăm sóc y tế. Nếu bạn cảm thấy không được khỏe, hãy tìm tư vấn y tế (đưa nhãn cho bác sĩ xem nếu có thể). Đảm bảo rằng nhân viên y tế có nhận thức về (các) vật liệu liên quan, và thực hiện các biện pháp phòng ngừa để bảo vệ bản thân. Đưa phiếu an toàn hoá chất này cho bác sỹ phụ trách. Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.

5. Các biện pháp cứu hỏa

Các chất chữa cháy phù hợp	Sương nước. Bọt chữa cháy kháng cồn. Bột hóa chất khô. cacbon dioxit (CO_2).
Chất chữa cháy không phù hợp	Không dùng vòi xịt nước (water jet) để dập lửa, vì việc này sẽ làm lửa lan rộng.
Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất	Sản phẩm dễ cháy, và gia nhiệt có thể sinh ra các hơi có thể tạo thành các hỗn hợp hơi/không khí dễ nổ. Trong khi cháy, các khí nguy hại cho sức khỏe có thể được hình thành.
Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy	Phải sử dụng bình dưỡng khí thở độc lập và trang phục bảo hộ đầy đủ trong trường hợp có cháy.
Các chỉ dẫn/trang thiết bị cứu hỏa	Trong trường hợp cháy và/hoặc nổ, không hít khói. Đưa các thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm mà không có rủi ro.
Các biện pháp cụ thể	Sử dụng các quy trình chữa cháy tiêu chuẩn và xem xét nguy cơ của các vật liệu liên quan khác.
Các hiểm họa cháy nói chung	Chất lỏng dễ cháy.

6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Không để những nhân viên không liên quan tiếp cận. Giữ mọi người tránh xa khỏi khu vực tràn đổ/rò rỉ và ở đầu chiều gió. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy (không hút thuốc, pháo sáng, tia lửa hoặc ngọn lửa trần ở các khu vực xung quanh). Mang thiết bị và quần áo bảo hộ thích hợp trong khi dọn dẹp. Không hít sương/hơi. Không chạm vào các thùng chứa đã hư hỏng hoặc vật liệu tràn đổ trừ khi đã mặc quần áo bảo hộ thích hợp. Đảm bảo đủ thông gió. Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được. Về vấn đề bảo hộ cá nhân, xin xem mục 8 của Phiếu An Toàn Hóa Chất.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy (không hút thuốc, pháo sáng, tia lửa hoặc ngọn lửa trần ở các khu vực xung quanh). Để các chất dễ cháy (gỗ, giấy, dầu, v.v...) tránh xa vật liệu tràn đổ. Ngăn chặn không để sản phẩm chảy vào hệ thống cống rãnh.

Tràn đổ Lớn: Ngăn dòng chảy vật liệu, nếu việc này không gây nguy hiểm. Quây kín vật liệu tràn đổ, nếu có thể. Sử dụng vật liệu không cháy như vermiculite, cát hoặc đất để thấm hút sản phẩm và cho vào thùng chứa để xử lý thải bỏ sau. Sau khi thu gom sản phẩm, dùng nước xả sạch khu vực.

Tràn đổ Nhỏ: Thấm hút bằng đất, cát hoặc vật liệu không cháy khác và cho vào thùng chứa để thải bỏ sau đó. Lau sạch bằng các vật liệu thấm hút (ví dụ như khăn, bông). Làm sạch bề mặt cẩn thận để loại bỏ lượng chất ô nhiễm còn lại.

Không bao giờ cho chất tràn đổ vào lại thùng chứa ban đầu để tái sử dụng. Để vật liệu trong thùng chứa phù hợp, đậy nắp, dán nhãn. Về thải bỏ chất thải, xem mục 13 của Phiếu An Toàn Hóa Chất.

Các biện pháp đề phòng cho môi trường

Tránh phát thải ra môi trường. Thông báo cho người quản lý hoặc giám sát phù hợp về tất các phát thải ra môi trường. Ngăn chặn rò rỉ hoặc tràn đổ thêm nếu có thể thực hiện được một cách an toàn. Tránh xả vào cống rãnh, kênh rạch hoặc xuống đất.

7. Thao tác và bảo quản

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn

Lấy hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không được thao tác nếu chưa đọc và hiểu tất cả mọi biện pháp phòng ngừa an toàn. Để xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy. Không hít sương/hơi. Không để dính vào mắt, da, hoặc quần áo. Không nếm hoặc nuốt vào. Tránh phơi nhiễm kéo dài. Không ăn, uống, hút thuốc khi sử dụng. Nên thao tác trong các hệ thống kín, nếu có thể được. Thực hiện thông gió đầy đủ. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Rửa tay thật kỹ sau khi thao tác. Tránh phát thải ra môi trường. Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại. Tuân thủ tốt các quy chuẩn vệ sinh công nghiệp.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ

Lưu trữ trong khu vực khóa. Tránh xa nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Bảo quản ở nơi mát, khô và tránh ánh nắng trực tiếp. Bảo quản đóng kín trong thùng chứa. Bảo quản ở nơi thông gió tốt. Bảo quản trong khu vực có hệ thống chữa cháy tự động sprinkler. Bảo quản xa các vật liệu không tương thích (xem Mục 10 của Phiếu An toàn Hóa chất SDS).

8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

Quyết định số 3733-2002-QĐ-BYT của Bộ Y tế, Mục 21, Bảng 1, đã sửa đổi

Thành phần	Loại	Giá trị
PHENOL (CAS 108-95-2)	TWA	4 mg/m3

Hoa Kỳ. Giá trị Giới hạn Ngưỡng (TLV) theo ACGIH

Thành phần	Loại	Giá trị
PHENOL (CAS 108-95-2)	TWA	5 ppm

Các giá trị giới hạn sinh học

Các Chỉ Số Tiếp Xúc Sinh Học của ACGIH (BEI)

Thành phần	Giá trị	Yếu tố quyết định	Mẫu	Thời gian lấy mẫu
PHENOL (CAS 108-95-2)	250 mg/g	Phenol với thuỷ phân	Creatinin trong nước tiểu	*

* - Để biết chi tiết về việc lấy mẫu, xin xem tài liệu gốc.

Các hướng dẫn đối với phơi nhiễm

Các Ngưỡng Giới Hạn của Hội Nghị Chuyên Gia Vệ Sinh Công Nghiệp của Chính Phủ Hoa Kỳ (ACGIH), Hoa Kỳ: Ký hiệu ấn định cho da

PHENOL (CAS 108-95-2) — Nguy cơ hấp thụ qua da

Hướng Dẫn Bỏ Túi của NIOSH Hoa Kỳ về Nguy Cơ Hóa Học: Xếp loại da

PHENOL (CAS 108-95-2) — Có thể được hấp thụ qua da.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp	Nên sử dụng hệ thống thông gió toàn bộ. Tốc độ thông gió phải phù hợp với từng điều kiện. Nếu có, sử dụng quy trình xử lý kín, thông gió hút cục bộ, hoặc các biện pháp kỹ thuật khác để duy trì nồng độ trong không khí dưới giới hạn tiếp xúc được khuyến nghị. Nếu giới hạn tiếp xúc chưa được thiết lập, duy trì nồng độ trong không khí ở mức có thể chấp nhận. Phải có các thiết bị rửa mắt và vòi hoa sen khẩn cấp khi thao tác với sản phẩm này.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân

Biện pháp bảo vệ mắt/mặt	Mặt nạ chống hóa chất có ống lọc hơi hữu cơ và kính che toàn bộ mặt.
Bảo vệ da	
Bảo vệ tay	Đeo găng tay chống hóa chất thích hợp.
Khác	Mặc quần áo chống hóa chất thích hợp. Nên sử dụng tạp dề không thấm.
Bảo vệ đường hô hấp	Mặt nạ chống hóa chất có ống lọc hơi hữu cơ và kính che toàn bộ mặt.
Các hiểm họa nhiệt	Sử dụng trang phục bảo hộ chống nhiệt thích hợp, khi cần thiết.
Các lưu ý vệ sinh chung	Tuân thủ mọi yêu cầu về giám sát y tế. Khi sử dụng không hút thuốc. Để xa đồ ăn thức uống. Luôn tuân thủ tốt các biện pháp vệ sinh cá nhân, chẳng hạn như rửa ráy sau khi thao tác với vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt quần áo lao động và thiết bị bảo hộ để loại bỏ các chất nhiễm bẩn. Không được phép mang quần áo lao động bị nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.

9. Tính chất lý hóa

Ngoại Quan	Nhớt.
Trạng thái vật lý	Lỏng.
Dạng	Chất lỏng.
Màu	Hổ phách
Mùi	Kích ứng.
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có dữ liệu.
pH	Không có dữ liệu.
Điểm chảy/điểm đông	40.91 °C (105.64 °F) Ước tính
Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu	Không có dữ liệu.
Điểm chớp cháy	124.0 °C (255.2 °F)
Tốc độ bay hơi	Không có dữ liệu.
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không áp dụng.
Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ	
Giới hạn nổ – dưới (%)	3 % Ước tính
Giới hạn nổ – trên (%)	10 % Ước tính
Áp suất hơi	0.28 hPa Ước tính
Tỷ khối hơi	Không có dữ liệu.
Tỷ trọng tương đối	Không có dữ liệu.
(Các) độ tan	
Tính tan (nước)	Không có dữ liệu.
Hệ số phân tách (n-octanol/nước)	Không có dữ liệu.
Nhiệt độ tự bốc cháy	715 °C (1319 °F) Ước tính
Nhiệt độ phân hủy	Không có dữ liệu.
Độ nhớt	Không có dữ liệu.
Thông tin khác	
Tỷ Trọng	0.99 g/cm3
Các tính chất nổ	Không nổ.
Các tính chất oxy hóa	Không oxy hóa.
Khối Lượng Riêng	0.99
Hợp Chất Hữu Cơ Dễ Bay Hơi	7.5 % Ước tính

10. Độ bền và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng	Sản phẩm ổn định và không phản ứng trong các điều kiện sử dụng, bảo quản và vận chuyển bình thường.
Độ bền hóa học	Vật liệu ổn định trong các điều kiện bình thường.

Khả năng gây phản ứng nguy hiểm	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Các điều kiện cần tránh	Tránh nhiệt, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn gây cháy khác. Tránh các nhiệt độ vượt quá điểm chớp cháy. Tiếp xúc với các vật liệu không tương thích.
Các vật liệu tương kỵ	Các axit. Các chất oxy hóa mạnh. Nhôm. Các peroxit. Các phenol.
Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

11. Thông tin về độc tính

Thông tin về các lộ trình tiếp xúc có khả năng xảy ra

Hít phải	Có thể gây kích ứng hệ hô hấp. Hít phải kéo dài có thể có hại.
Tiếp xúc với da	Gây bỏng da nghiêm trọng. Có hại khi tiếp xúc với da. Có thể gây phản ứng dị ứng da.
Tiếp xúc với mắt	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Ăn phải	Gây bỏng đường tiêu hóa. Có hại nếu nuốt phải.
Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.	Đau rát và tổn thương ăn mòn da nghiêm trọng. Gây tổn thương mắt nghiêm trọng. Các triệu chứng có thể bao gồm châm chích, chảy nước mắt, đỏ, sưng và mờ mắt. Có thể dẫn đến bị tổn thương mắt vĩnh viễn kể cả mù.

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính Có hại khi tiếp xúc với da. Có hại nếu nuốt phải.

Thành phần	**Loài**	**Kết quả thử nghiệm**
PHENOL (CAS 108-95-2)		
Cấp tính		
Da		
LD50	Chuột	669 mg/kg

Ăn mòn/kích ứng da	Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt
Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da

Gây mẫn cảm đường hô hấp	Không phải là một chất gây mẫn cảm đường hô hấp.
Gây mẫn cảm da	Có thể gây phản ứng dị ứng da.
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Nghi ngờ gây ra các khuyết tật di truyền.

Khả năng gây ung thư

Các chất gây ung thư theo Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH)

PHENOL (CAS 108-95-2)	A4 Không được phân loại là chất gây ung thư ở người.

Các Chuyên Khảo Của Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC). Đánh Giá Tổng Thể Khả Năng Gây Ung Thư

PHENOL (CAS 108-95-2)	3 Không thể phân loại là gây ung thư cho người.

Độc tích sinh sản	Sản phẩm này được dự kiến là không gây tác động đến sinh sản hoặc phát triển.
Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc	Không áp dụng.
Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại	Có thể gây tổn thương cho các cơ quan thông qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại.
Hiểm họa hít phải	Không phải là nguy cơ đối với đường hô hấp.
Ảnh hưởng mãn tính	Hít phải kéo dài có thể có hại. Có thể gây tổn thương cho các cơ quan thông qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại.

12. Thông tin về sinh thái

Độc tính sinh thái	Có hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy	Không có dữ liệu về khả năng phân hủy của bất kỳ thành phần nào trong hỗn hợp này.

Khả năng tích tụ sinh học

Hệ Số Phân Tách octanol/nước log Kow

PHENOL	1.46

Di chuyển trong đất Không có dữ liệu.

Các tác dụng có hại khác	Thành phần này được dự kiến là không gây ra tác động bất lợi nào khác cho môi trường (ví dụ: suy giảm tầng ôzôn, khả năng tạo ozon do quang hóa, rối loạn nội tiết, khả năng gây nóng lên toàn cầu)

13. Các cân nhắc khi thải bỏ

Các Hướng Dẫn Thải Bỏ	Thu gom và tái chế hoặc thải bỏ trong các thùng kín tại nơi xử lý chất thải được cấp phép. Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước. Không gây ô nhiễm ao hồ, sông suối hoặc hệ thống mương rãnh bởi hóa chất hoặc thùng chứa đã qua sử dụng. Thải bỏ vật liệu bên trong/thùng chứa theo quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Các quy định tiêu hủy của địa phương	Thải bỏ theo tất cả các quy định hiện hành.
Chất thải từ cặn lắng/ sản phẩm không sử dụng	Thải bỏ theo quy định của địa phương. Các thùng chứa hoặc túi lót rỗng có thể còn chứa các cặn dư của sản phẩm. Vật liệu này và thùng chứa của nó phải được thải bỏ một cách an toàn (xem: Hướng dẫn thải bỏ).
Bao bì bị ô nhiễm	Vì các thùng chứa dù đã hết vẫn có thể còn lại cặn dư sản phẩm, tuân theo các cảnh báo trên nhãn ngay cả khi thùng chứa đã cạn. Các thùng chứa rỗng cần được đưa đến cơ sở xử lý chất thải đã được phê duyệt để tái chế hoặc thải bỏ.

14. Thông tin về việc vận chuyển

IATA

UN number	UN2735
UN proper shipping name	Amines, liquid, corrosive, n.o.s. (TRIMETHYLHEXAMETHYLENEDIAMINE), Limited Quantity
Transport hazard class(es)	
Class	8
Subsidiary risk	-
Packing group	III
Environmental hazards	No.
ERG code	8L
Special precautions for user	Read safety instructions, SDS and emergency procedures before handling.
Other information	
Passenger and cargo aircraft	Allowed with restrictions.
Cargo aircraft only	Allowed with restrictions.

IMDG

UN number	UN2735
UN proper shipping name	AMINES, LIQUID, CORROSIVE, N.O.S. or POLYAMINES, LIQUID, CORROSIVE, N.O.S. (TRIMETHYLHEXAMETHYLENEDIAMINE), Limited Quantity
Transport hazard class(es)	
Class	8
Subsidiary risk	-
Packing group	III
Environmental hazards	
Marine pollutant	No.
EmS	F-A, S-B
Special precautions for user	Read safety instructions, SDS and emergency procedures before handling.

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của Hiệp Định MARPOL 73/78 và Quy Tắc IBC	Chưa được thiết lập.

IATA

IMDG

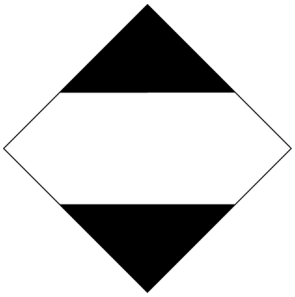

15. Thông tin về quy định

Các quy định quốc gia Về các biện pháp bảo vệ, hướng dẫn sử dụng và bảo quản, xin xem Phiếu An Toàn Hóa Chất. Về số lượng, ngày sản xuất, ngày hết hạn và xuất xứ hàng hóa, xin xem nhãn vận chuyển.

Hóa chất cấm (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục III, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không có trong danh mục.

Hóa chất Sản xuất & Kinh doanh có Điều kiện (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục I, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không có trong danh mục.

Hóa chất Phải Khai báo (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục V, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

PHENOL (CAS 108-95-2) 29071100

CWC (Nghị định số 38/2014/ND-CP, về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của công ước Cấm Phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, Bảng 1-3, ngày 6 tháng 5 năm 2014), đã sửa đổi

Không được quy định.

Tiền chất ma túy (Nghị định 82/2013/ND-CP về việc Ban hành các Danh mục Chất ma túy và Tiền chất IV, đã được sửa đổi bởi Nghị định 126/2015/ND-CP, ngày 9 tháng 12 năm 2015), đã sửa đổi

Không được quy định.

Các Yêu Cầu về Kế Hoạch Phòng Ngừa, Ứng Phó Sự Cố & An Toàn cho Hóa Chất Nguy Hại (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục IV, Bảng 1, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không có trong danh mục.

Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (ODS) (Thông tư Liên tịch số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2005), đã sửa đổi

Không được quy định.

Hóa chất Hạn chế Sản xuất & Kinh doanh (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục II, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

PHENOL (CAS 108-95-2) 29071100

Các quy định quốc tế

Hiệp Ước Stockholm

Không áp dụng.

Hiệp Ước Rotterdam

Không áp dụng.

Nghị định thư Montreal

Không áp dụng.

Nghị định thư Kyoto

Không áp dụng.

Hiệp Ước Basel

Không áp dụng.

Các Danh Mục Quốc Tế

Quốc gia hoặc khu vực	Tên kiểm kê	Đang lưu kho (có/không)*
Ôtxtrâylia	Danh mục Hóa chất Công nghiệp Úc (AICIS)	Có
Canada	Danh Sách Chất Sinh Hoạt (DSL)	Có
Canada	Danh Sách Các Chất Không Phải Sinh Hoạt (NDSL)	Không
Trung Quốc	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học Hiện Hữu ở Trung Quốc (IECSC)	Có
Châu Âu	Danh mục Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành của châu Âu (EINECS)	Có
Châu Âu	Danh Sách Các Chất Hóa Học Được Thông Báo của Châu Âu (ELINCS)	Không
Nhật Bản	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học Mới và Hiện Hữu (ENCS)	Không
Hàn Quốc	Danh Sách Hóa Chất Hiện Hữu (ECL)	Có
Niu Di Lân	Kiểm Kê New Zealand	Có
Philippines	Kiểm Kê Các Hóa Chất và Chất Hóa Học (PICCS)	Có
Đài Loan	Danh Mục Hóa Chất của Đài Loan (TCSI)	Có

Quốc gia hoặc khu vực	Tên kiểm kê	Đang lưu kho (có/không)*
Hoa Kỳ và Puerto Rico	Danh Mục Theo Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc (TSCA)	Có

*"Có" chỉ ra rằng mọi thành phần của sản phẩm này phù hợp với các yêu cầu hàng tồn kho được quản lý bởi quốc gia cai quản
"Không" cho biết một hoặc nhiều thành phần của sản phẩm không được nêu hoặc được miễn nêu trong danh mục do (các) quốc gia quản lý quản trị.

16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

Ngày Ban Hành	22-Tháng-Bảy-2023
Ngày sửa đổi	31-Tháng-Bảy-2023
Phiên bản số	02
Khước Từ Trách Nhiệm	ITW Performance Polymers không thể xác định trước tất cả các điều kiện mà thông tin ở đây cùng với sản phẩm của nó, hoặc sản phẩm của những nhà sản xuất khác cùng với sản phẩm của họ, có thể sẽ được sử dụng. Người dùng có trách nhiệm bảo đảm mọi điều kiện an toàn cho việc thao tác, bảo quản và thải bỏ sản phẩm này, và chịu trách nhiệm pháp lý về việc mất mát, tổn thương, thiệt hại hoặc chi phí do việc sử dụng không phù hợp gây ra. The information provided in this Safety Data Sheet is correct to the best of our knowledge, information and belief at the date of its publication. The information relates only to the specific material designated and may not be valid for such material used in combination with any other materials or in any process, unless specified in the text. The information given is designed only as a guidance for safe handling, use, processing, storage, transportation, disposal and release.